

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2019

*“Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung”*

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

#### **- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lã Thị Nhung và bà Vũ Thị Lan.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2019, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Dương Thị M T**, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Tổ 19, phường TT, quận LB, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh **Vũ Hải Q**, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn MT, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

(Chị T, anh Q đều có mặt tại phiên tòa).

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị M T trình bày:***

Chị và anh Vũ Hải Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương năm 2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Q tại xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Quá trình chung sống, vợ chồng - gia đình hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng: bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trên mọi lĩnh vực của cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, xúc phạm nhau, không có sự chia sẻ với nhau về tình cảm và kinh tế; bản thân anh Q không tin tưởng mà luôn nghi ngờ ghen tuông với chị. Mặt khác, do vẫn chung sống cùng nhà nên giữa chị với bố mẹ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh Q không biết cách cư xử phù hợp để dung hòa mối quan hệ giữa vợ với bố mẹ nên càng khiến mâu thuẫn giữa chị và anh Q trở nên căng thẳng. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị, hai bên gia đình đã nhiều lần tìm biện pháp để hàn gắn nhưng không kết quả. Tháng 5/2019 chị đưa con về ở với bố mẹ đẻ tại thành phố Hà Nội. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Chị và anh Q có một con chung Vũ Minh Đ, sinh ngày 20/7/2016, hiện cháu Đ đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung.

Về tài sản, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Vũ Hải Q trình bày:***

Về điều kiện, thời gian kết hôn, diễn biến quá trình chung sống như chị Trinh trình bày là đúng.

Anh thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng cuộc sống chung vợ chồng vẫn không được cải thiện mà luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi...Chị T đã mang con về nhà đẻ ở từ tháng 5/2019, anh và gia đình có tìm nhưng chị T không đồng ý đoàn tụ.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tổ chức được cuộc sống chung hạnh phúc, chị T xin ly hôn, anh nhất trí.

Anh và chị T có một con chung như chị T trình bày, từ nhỏ cháu Đ ở với vợ chồng anh và ông, bà nội của cháu; có thời gian vợ chồng cùng đi làm để cháu Đ cho bố mẹ anh nuôi dưỡng. Từ tháng 5/2019 chị T mang con về ở cùng bố mẹ đẻ tại Hà Nội. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, thư ký cũng như của các đương sự tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị M T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị M T và anh Vũ Hải Q.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Dương Thị M T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Minh Đ, sinh ngày 20/7/2016 (hiện cháu Đ đang ở với chị T).

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q về việc cấp dưỡng nuôi con Vũ Minh Đ 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản: Chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị M T và anh Vũ Hải Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương ngày 15/4/2016, là hôn nhân hợp pháp.

Chị T, anh Q đều thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị T đã mang con về nhà đẻ ở từ tháng 5/2019, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau. Chị T xin ly hôn, anh Q nhất trí vì vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh Q có một con chung là Vũ Minh Đ, sinh ngày 20/7/2016. Anh, chị đều có nguyện vọng nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Xem xét về khả năng, điều kiện nuôi dưỡng, thu nhập, nơi ở để đảm bảo việc nuôi con chung của chị T và anh Q là tương đương nhau; gia đình hai bên đều bày tỏ quan điểm sẵn sàng hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất cho anh, chị nếu được giao nuôi con. Tuy nhiên thực tế hiện nay cháu Đ đang ở cùng chị T. Quá trình nuôi dưỡng cháu Đ anh, chị thừa nhận cháu chậm nói, có biểu hiện tự kỷ tăng động nhẹ, cháu đang điều trị thiếu máu do thiếu sắt. Hiện chị T đang cho cháu học tại Trung tâm giáo dục hòa nhập quận LB, thành phố Hà Nội. Qua theo dõi và kết quả bảng đánh giá hòa nhập của Trung tâm thì cháu phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ, các kỹ năng... như vậy có cơ sở để khẳng định cháu Đ đang nhận được sự nuôi dưỡng, giáo dục có hiệu quả; hơn nữa cháu mới gần đủ 38 tháng tuổi, trong khoảng

độ tuổi pháp luật quy định cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ... Vì vậy để duy trì cuộc sống ổn định, nhằm đảm bảo quyền lợi, khả năng phát triển về mọi mặt của con chung nên giao cháu Vũ Minh Đ cho chị T nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, chị cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung; Tại phiên tòa, anh Q đề xuất mức cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Minh Đ là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh xác định hiện nay anh đang làm thuê cho tư nhân, thu nhập từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng, anh đủ điều kiện để thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con của anh Q là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; vừa để đảm bảo quyền lợi của con chung vừa thể hiện trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con nên chấp nhận phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ tài sản, nợ: Chị T, anh Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T, anh Q thuận tình ly hôn, thống nhất về việc cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% mức án phí (chị T tự nguyện chịu cả) phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị M T.

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị M T và anh Vũ Hải Q

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Dương Thị M T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Minh Đ, sinh ngày 20/7/2016 (hiện cháu Đ đang ở với chị T).

Công nhận sự tự nguyện của anh Vũ Hải Q về việc cấp dưỡng nuôi con Vũ Minh Đ 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2019 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Anh Q vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Dương Thị M T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng; cộng = 300.000 đồng, được đối trừ

300.000 đồng tạm ứng án phí chi đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005394 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

4- Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã TH, huyện Bình Giang,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Quyên**